

Bản án số: 04/2018/DS- ST

Ngày 23/4/2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tạ Thị Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đặng Văn Tàn

- Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sáng – Thư ký toà án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Phùng Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 63/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng L

Trụ sở: 16, 23, 24 toà nhà M, số 229 Phố N, quận O, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang P - Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn Q – Phó giám đốc chi nhánh Hà Nội (Theo giấy uỷ quyền số 58a/2014/UQ - TGD ngày 03/5/2017).

Ông Trần Văn Q uỷ quyền lại cho bà Nguyễn Thị Minh R – Chuyên viên xử lý và thu hồi nợ của Ngân hàng L (Theo giấy uỷ quyền số 05/2017/UQ - GD ngày 30/6/2017). Bà R có mặt.

- *Các bị đơn:* 1. Anh Nguyễn Chí A, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

2. Chị Nông Thị B, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ đều ở: Thôn H, xã I, huyện K, TP.Hà Nội.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

2. Bà Đào Thị D, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

3. Cụ Nguyễn Thị E, sinh năm 1924 (Vắng mặt);

4. Cháu Nguyễn Thị Hà F, sinh năm 2014;

5. Cháu Nguyễn Bảo G, sinh năm 2017.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện K, TP.Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của các cháu: Cháu Nguyễn Thị Hà F, sinh năm 2014 và cháu Nguyễn Bảo G, sinh năm 2017 là anh Nguyễn Chí A (Bố đẻ) và chị Nông Thị B (Mẹ đẻ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng L trình bày: Ngày 03/12/2015, Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng số 126.1225/2015/HĐTD – CN/PGB HN với anh Nguyễn Chí A và chị Nông Thị B. Theo hợp đồng này, Ngân hàng cho anh A, chị B vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), thời hạn vay 120 tháng, lãi suất 10,9%/năm điều chỉnh 3 tháng 1 lần được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng với biên độ theo quy định nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của Ngân hàng với khách hàng hạng A tại thời điểm điều chỉnh; mục đích vay thanh toán sửa chữa nhà theo hợp đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay của anh A, chị B thì ông Nguyễn Văn C và bà Đào Thị D đã thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 18, diện tích 1465,0m² tại thôn H, xã I, huyện K, TP. Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 549917, sổ vào sổ cấp GCN: CH01333/QSĐĐ/10719/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cho ông Nguyễn Văn C, bà Đào Thị D.

Ngày 09/12/2015, anh A, chị B đã ký khế ước nhận nợ số 01/126.1225/2015/KUNN– N/PGBHN nhận nợ Ngân hàng số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Các quy định về lãi suất, thời hạn vay, mục đích vay giữa hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ không có thay đổi so với hợp đồng tín dụng.

Quá trình vay tiền Ngân hàng đến nay, anh A và chị B đã trả lãi Ngân hàng được nợ gốc 26.486.425đ (Hai mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng), trả lãi đến hết tháng 3/2016, sau đó anh A, chị B không trả được gốc và lãi cho Ngân hàng. Do anh A, chị B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã có thông báo cho anh A, chị B về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ và lập biên bản về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhưng anh A, chị B vẫn không thực hiện trả nợ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh A, chị B phải thanh toán toàn bộ khoản vay tính đến ngày 27/10/2017 số tiền 1.178.115.217đ (Một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu một trăm mười lăm nghìn hai trăm mười bảy đồng). Trong đó:

Nợ gốc: 973.513.575đ

Nợ lãi trong hạn: 161.199.982đ

Nợ lãi quá hạn: 21.934.853đ

Đối với phần lãi áp dụng kể từ ngày 28/10/2017 nguyên đơn đề nghị áp dụng theo lãi suất quá hạn thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Nếu bị đơn không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn đề nghị Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn tự nguyện chịu, nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án tại tòa án bị đơn anh Nguyễn Chí A trình bày: Anh xác nhận thời gian ký hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, tài sản bảo đảm cho khoản vay, thời gian trả gốc và lãi như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày là đúng. Ngân hàng có đến đôn đốc anh và

chị B trả nợ nhưng do kinh tế khó khăn nên anh và chị B đều khát nợ. Tài sản đã thế chấp từ đó đến nay không có biến động thay đổi gì, hiện tại trên thửa đất thế chấp có anh, chị B, bà D, ông C, cụ E và các con của anh, chị B là F, G đang sinh sống, ngoài ra không có ai sinh sống trên thửa đất này. Ngân hàng khởi kiện anh và chị B trả nợ, anh đề nghị: Ngân hàng giãn nợ cho trả dần vì kinh tế gia đình anh quá khó khăn.

Bị đơn chị B trình bày: Chị đồng ý với quan điểm của anh A và xin Ngân hàng giãn nợ cho trả dần. Do điều kiện công việc chị không tham gia tố tụng tại Tòa án nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị D trình bày: Bà là mẹ đẻ anh A, là mẹ chồng chị B. Bà xác nhận có bảo lãnh tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 18, diện tích 1465,0m² tại thôn H, xã I, huyện K, TP. Hà Nội cho khoản vay của anh A, chị B. Tài sản bảo đảm từ khi thế chấp đến nay không có biến động thay đổi gì. Bà xác nhận những người sinh sống trên đất như anh A trình bày là đúng. Nay Ngân hàng khởi kiện, bà đề nghị Ngân hàng cơ cấu khoản vay cho anh A, chị B trả dần. Hiện tại bà không cung cấp được chứng cứ gì liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C, cụ Nguyễn Thị E đều trình bày nhất trí với lời khai của bà D tại tòa án và không có ý kiến gì về việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Nguyên đơn đề nghị anh A, chị B phải trả nợ toàn bộ khoản vay tính đến ngày 28/02/2018 số tiền 1.231.724.023đ (Một tỷ hai trăm ba mươi một triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn không trăm hai mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc 973.514.575đ, nợ lãi trong hạn 193.557.951đ, nợ lãi quá hạn 64.651.497đ; yêu cầu anh A, chị B tiếp tục trả lãi theo lãi suất quá hạn theo hợp đồng, khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên kể từ ngày 01/3/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Nguyên đơn cũng xác nhận chưa bán khoản vay này cho bất cơ cơ quan, tổ chức nào.

Anh A, ông C, bà D, cụ E đã được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện nhân dân huyện Thạch Thất phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng nghị án là đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận toàn bộ, chấp nhận sự tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa nhưng anh A, ông C, bà D, cụ E đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A, ông C, bà D, cụ E là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 03/12/2015 Ngân hàng L và anh A và chị B có ký hợp đồng tín dụng số 126.1225/2015/HĐTD – CN/PGB HN và ngày 09/12/2015 ký khế ước nhận nợ 01/126.1225/2015/KU'NN – CN/PGBHN nhận nợ Ngân hàng số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Mục đích vay thanh toán sửa chữa nhà theo hợp đồng. Từ khi vay vốn Ngân hàng đến nay, anh A, chị B đã trả nợ Ngân hàng số tiền gốc 26.486.425đ (Hai mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng), trả lãi đến hết tháng 3/2016, sau đó anh A, chị B không trả được nợ Ngân hàng. Tháng 4/2016, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc anh A, chị B trả nợ nhưng anh A, chị B đều không có phương án trả nợ. Ngày 30/6/2017, Ngân hàng khởi kiện tại toà án yêu cầu anh A, chị B trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn, bị đơn đều xác định mục đích vay tiền của bị đơn để thanh toán toán sửa chữa nhà. Do vậy, Tranh chấp phát sinh trong vụ án là tranh chấp dân sự và thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết được quy định tại Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu anh A, chị B phải trả nợ các khoản tính đến ngày 28/02/2018 số tiền 1.231.724.023đ (Một tỷ hai trăm ba mươi một triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn không trăm hai mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc 973.514.575đ, nợ lãi trong hạn 193.557.951đ, nợ lãi quá hạn 64.651.497đ.

Đối với khoản nợ gốc: Xét thấy ngày 03/12/2015 Ngân hàng và anh A, chị B ký hợp đồng tín dụng số 126.1225/2015/HĐTD – CN/PGB HN; ngày 09/12/2015 ký khế ước nhận nợ 01/126.1225/2015/KU'NN – CN/PGBHN và anh A, chị B đã nhận nợ Ngân hàng số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Quá trình tham gia tố tụng tại toà án, anh A, chị B xác nhận toàn bộ số tiền vay nợ, thừa nhận đã trả nợ như phía người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán trả nguyên đơn số tiền nợ gốc 973.514.575đ (Chín trăm bảy mươi ba triệu năm trăm mười bốn nghìn năm trăm bảy mươi năm đồng).

Xét yêu cầu của Ngân hàng về khoản nợ lãi trong hạn tính đến thời điểm ngày 28/02/2018 số tiền 193.557.951đ (Một trăm chín mươi ba triệu năm trăm năm bảy nghìn chín trăm năm mươi một đồng). Xét thấy trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận các bên đều thoả thuận lãi suất vay lãi suất 10,9%/năm điều chỉnh 3 tháng 1 lần được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 trả lãi cuối kỳ cộng với biên độ theo quy định nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của Ngân hàng với khách hàng. Lãi suất trong hạn mà các bên thoả thuận tại khoản 3 Điều 1 của hợp đồng và khế ước nhận nợ là phù hợp với lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng theo Thông tư số 12/2010/TT- NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng về khoản nợ lãi quá hạn tính đến thời điểm ngày 28/02/2018 số tiền 64.651.497đ (Sáu mươi tư triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng). Theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Hợp đồng các bên thoả thuận kỳ đầu tiên bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn hàng tháng 8.334.000 đồng vào ngày 26 hàng tháng. Bị đơn không trả nợ gốc hàng tháng theo thoả thuận nên lãi quá hạn được áp dụng từ tháng 4/2016. Khoản lãi quá hạn trong hợp đồng và

khế ước nhận nợ xác định bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền nợ lãi (lãi trong hạn và quá hạn) tính đến ngày 28/02/2018 phía nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận số tiền 258.209.448 (Hai trăm năm mươi tám triệu hai trăm linh chín nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng). Cần buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền nợ gốc, lãi cho nguyên đơn là 1.231.724.023đ (Một tỷ hai trăm ba mươi một triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn không trăm hai mươi ba đồng).

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc bị đơn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 01/3/2018 đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và anh A, chị B các bên có thoả thuận phần nợ gốc, lãi được điều chỉnh trong toàn bộ thời gian vay của bên vay, kể cả thời gian vượt quá thời hạn vay. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận tương ứng với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp anh A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy hợp đồng tín dụng số 126.1225/2015/HĐTD – CN/PGB HN ngày 03/12/2015 và khế ước nhận nợ 01/126.1225/2015/KU'NN – CN/PGBHN ngày 09/12/2015 các bên đều thoả thuận tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 18, diện tích 1465,0m² tại thôn H, xã I, huyện K, TP. Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA549917, số vào sổ cấp GCN: CH01333/QSĐĐ/10719/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cho ông Nguyễn Văn C, bà Đào Thị D. Các bên ký hợp đồng thế chấp trên cơ sở tự nguyện, có công chứng và đều làm thủ tục đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K. Thủ tục thế chấp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục cho khoản vay, phù hợp với quy định tại Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 64, khoản 1 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành luật đất đai; Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 130 Luật đất đai năm 2003. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của đương sự là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L được chấp nhận toàn bộ nên anh Nguyễn Chí A và chị Nông Thị B phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 10, 122, 343, 351 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 130 Luật đất đai năm 2003.

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L. Buộc anh Nguyễn Chí A và chị Nông Thị B phải trả nợ Ngân hàng L theo hợp đồng tín dụng số 126.1225/2015/HĐTD – CN/PGB HN ngày 03/12/2015 và khế ước nhận nợ 01/126.1225/2015/KUNN – CN/PGBHN ngày 09/12/2015 số tiền còn nợ tính đến ngày 28/02/2018, gồm:

Nợ gốc: 973.514.575đ

Nợ lãi trong hạn: 193.557.951đ

Nợ lãi quá hạn: 64.651.497 đ

Tổng cộng: 1.231.724.023đ (Một tỷ hai trăm ba mươi một triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn không trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày 01/3/2018 anh Nguyễn Chí A và chị Nông Thị B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp, hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp anh Nguyễn Chí A và chị Nông Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng L có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 18, diện tích 1465,0m² tại thôn H, xã I, huyện K, TP. Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA549917, số vào sổ cấp GCN: CH01333/QSDĐ/10719/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cho ông Nguyễn Văn C, bà Đào Thị D.

Về án phí: Anh Nguyễn Chí A và chị Nông Thị B phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm **48.951.000đ** (Bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng).

Hoàn trả Ngân hàng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp **22.370.000đ** (Hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000620 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, Ngân hàng L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án. Anh A, chị B, bà D, ông C, cụ E có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tạ Thị Ninh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tạ Thị Ninh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tạ Thị Ninh

